

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 43/2026/HS-ST

Ngày: 23/6/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Hồng Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: **F T, xã V, tỉnh Quảng Trị**), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2026/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2026 và thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án hình sự số 15/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Hoàng L**, sinh năm 1992, tại tỉnh Quảng Trị; Nơi thường trú: **Thôn C L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị**; Nơi ở hiện tại: **Tổ F, phường H, thành phố Đà Nẵng**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: **Đặng Văn B**, sinh năm 1948 (đã chết); Họ và tên mẹ: **Lê Thị K**, sinh năm 1960; Họ và tên vợ: **Nguyễn Thị Thu M**, sinh năm 1992; Con: Có 02 con, nhỏ sinh năm 2020, lớn sinh năm 2019; Anh, chị em ruột: 02 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện của bị hại:** Ông **Nguyễn Quang Q**, sinh 1993.

Địa chỉ: **Thôn N, xã V, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông **Nguyễn Văn L1**, sinh 1977.

Địa chỉ: **Tổ A C, phường T, thành phố Đà Nẵng**, vắng mặt.

+ Bà **Phan Thị Mai T**, sinh 1975.

Địa chỉ: **Tổ A C, phường T, thành phố Đà Nẵng**, vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Chị **Nguyễn Thị Thu M**, sinh 1992.

Địa chỉ: **Thôn C L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

(1) Trưa ngày 24/12/2025, **Đặng Hoàng L** điều khiển xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 43A-456.49 chở vợ là **Nguyễn Thị Thu M** và 02 con trai ruột di chuyển từ **phường Đ, tỉnh Quảng Trị** vào thành phố **Đà Nẵng**. Khoảng 14 giờ 34 phút cùng ngày, khi đến Km739+550m **Quốc lộ A** mới, thuộc địa phận **thôn A, xã B, tỉnh Quảng Trị**, **L** điều khiển xe ô tô BKS 43A-456.49 di chuyển ở làn đường dành cho xe cơ giới (sát vạch kẻ đường phân chia làn đường dành cho xe thô sơ và làn đường dành cho xe cơ giới) với tốc độ 55-60km/giờ, trên phần đường hướng **xã V đi xã G**. Từ khoảng cách 20 mét **L** đã quan sát thấy chị **Trần Thị T1** (sinh năm 1973, trú tại **thôn N, xã V, tỉnh Quảng Trị**) đang điều khiển xe mô tô BKS 74L1-196.23 di chuyển ở phía trước cùng chiều, cùng phần đường. Thấy vậy, **L** tiếp tục cho xe di chuyển với tốc độ và làn đường như trên để đi qua nhưng do không giữ khoảng cách an toàn (không căn được phần đầu xe ô tô) nên phần trước, bên phải xe ô tô BKS 43A-456.49 (bao gồm: Cản, cụm đèn tín hiệu chuyển hướng) va chạm với phần sau, bên trái xe mô tô BKS 74L1-196.23 (bao gồm: Phuộc, hộp số, biển số) dẫn đến tai nạn giao thông. Sau tai nạn, chị **T1** được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện, đến ngày 25/12/2025 thì tử vong.

(2) Tại Kết luận giám định số 1953/KL-KTHS ngày 24/01/2026 của **Phòng K1** (KTHS) **Công an tỉnh Q**, kết luận:

1. Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe ô tô BKS 43A-456.49 và xe mô tô BKS 74L1-196.23 là: Phần trước, bên phải xe ô tô BKS 43A-456.49 tại các bộ phận: Cản, cụm đèn tín hiệu chuyển hướng va chạm với phần sau, bên trái xe mô tô BKS 74L1-196.23 tại các bộ phận: Phuộc, hộp số, biển số.

Các dấu vết va chạm với xe mô tô BKS 74L1-196.23 trên xe ô tô BKS 43A-456.49 có chiều hướng từ trước ra sau. Các dấu vết va chạm với xe ô tô BKS 43A-456.49 trên xe mô tô BKS 74L1-196.23 có chiều hướng từ sau tới trước.

2. Vị trí va chạm đầu tiên trên hiện trường giữa xe ô tô BKS 43A-456.49 và xe mô tô BKS 74L1-196.23 là: Khu vực phía trước điểm đầu đám cây, trượt tại vị trí số (1) được ghi nhận và mô tả trong hồ sơ khám nghiệm trên phần đường theo chiều đi từ **xã V đến xã G**.

Không đủ cơ sở xác định vị trí va chạm đầu tiên trên hiện trường giữa hai phương tiện là nằm trên làn đường nào.

3. Không có cơ sở xác định tốc độ của xe ô tô BKS 43A-456.49 và xe mô tô BKS 74L1-196.23 tại thời điểm trước khi xảy ra tai nạn giao thông.

4. Tại thời điểm xảy ra va chạm xe ô tô BKS 43A-456.49 và xe mô tô BKS 74L1-196.23 đều có hướng di chuyển từ **xã V đến xã G**.

Tại Kết luận giám định số: 691/KL-KTHS ngày 04/5/2026 của Phòng KTHS

Công an tỉnh Q, kết luận: “Xe ô tô BKS 43A-456.49 tác động đối với xe mô tô BKS 74L1-196.23 theo chiều hướng từ sau tới trước, trong trạng thái xe ô tô BKS 43A-456.49 đang di chuyển theo hướng từ **xã V đến xã G**, xe mô tô BKS 74L1-196.23 đang có vị trí phía trước xe ô tô BKS 43A-456.49, đầu xe quay hướng **xã G**, đuôi xe quay hướng **xã V**”.

Tại Kết luận giám định số 1941/KL-KTHS ngày 09/01/2026 của Phòng KTHS **Công an tỉnh Q** đối với kết luận nguyên nhân chết, kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tụ máu cấp dưới màng cứng bán cầu trái. Phù não bán cầu trái. Đường giữa di lệch sang phải 1,5cm.

- Trên thân thể có nhiều vết sây sát da.

2. Nguyên nhân chết của chị **Trần Thị T1**: Chấn thương sọ não”.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 02/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **xã B**, kết luận định giá như sau:

1. Trị giá các bộ phận thay thế, sửa chữa của xe ô tô gắn BKS 43A-456.49, nhãn hiệu KIA, số loại PRIDE, màu sơn ghi, số máy B1005918, số khung 127VMC002741 tại thời điểm ngày 24/12/2025 là **2.000.000** đồng.

2. Trị giá các bộ phận thay thế, sửa chữa của xe mô tô gắn BKS 74L1-196.23, nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, số máy JF63E1104577, số khung 630XFZ104582, màu đỏ-đen-xám tại thời điểm ngày 24/12/2025 là **13.040.000** đồng.

Tại Kết luận giám định nồng độ cồn và chất ma túy trong máu của **Đặng Hoàng L** và chị **Trần Thị T1**: 0 mmol/L (0 miligam/100 mililit máu) và âm tính với chất ma túy.

(3) Cáo trạng số 25/CT-VKSKV8 ngày 20/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị, truy tố bị cáo **Đặng Hoàng L** về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự

(4) Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tỉnh Quảng Trị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Đặng Hoàng L** từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 (hai mươi tư) đến 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án 23/6/2026.

Về tài sản tạm giữ: Trả lại cho bị cáo Giấy phép Lái xe hạng B2, số 480225009343 mang tên **Đặng Hoàng L**.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi sai trái của mình, hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn đang nuôi 02 con nhỏ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trong đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng đã thể hiện, đủ cơ sở kết luận: Đặng Hoàng L là người có đầy đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, đã được học và cấp giấy phép lái xe hạng B2 để điều khiển loại phương tiện theo quy định. Ngày 24/12/2026, tại Km739+550m Quốc lộ A mới, địa phận thôn A, xã B, tỉnh Quảng Trị, L có hành vi điều khiển xe ô tô BKS 43A-456.49 không giữ khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng phần đường dẫn đến tai nạn giao thông, đã vi phạm vào khoản 1 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Hậu quả làm chết Trần Thị T1 tử vong, gây thiệt hại về tài sản đối với xe mô tô BKS 74L1-196.23 là 13.040.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội *Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm sự: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của người khác, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Cần xử phạt nghiêm, tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, đã biết ăn năn hối cải tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi gây ra tai nạn bị cáo đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại điểm s và bồi thường thiệt hại tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 213.000.000 đồng theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại. Đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản đồ vật tạm giữ: Giấy phép Lái xe hạng B2, số 480225009343 của Đặng Hoàng L chuyển theo hồ sơ vụ án trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Đặng Hoàng L** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt **Đặng Hoàng L** 15(*mười lăm*) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (*ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Đặng Hoàng L** cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử: Buộc bị cáo **Đặng Hoàng L** phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV 8, tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị ;
- Phòng THADS KV 8, Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến.